

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP VỀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI CÀ PHÊ XUẤT KHẨU ở các tỉnh Tây Nguyên

ThS NGUYỄN HỮU TUẤN  
Học viện Chính trị khu vực III

Tây Nguyên gồm 5 tỉnh (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng), có diện tích 54.474km<sup>2</sup> (bằng 16,8% diện tích cả nước), trong đó khoảng 2 triệu ha đất đỏ bazan (chiếm 60% quỹ đất bazan trong cả nước)<sup>1</sup>. Đây là vùng có điều kiện thuận lợi sản xuất cà phê, một mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của các tỉnh Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung. Tuy nhiên, các hoạt động sản xuất cà phê xuất khẩu trong thời gian qua ở các tỉnh Tây Nguyên còn nhiều hạn chế ở các khâu đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu nên sản lượng và giá trị xuất khẩu chưa tương xứng với tiềm năng của vùng. Bài viết này chúng tôi tập trung phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp tiếp tục xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại cà phê xuất khẩu ở các tỉnh Tây Nguyên qua khảo sát 3 tỉnh (Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông).

## 1. Thực trạng về hoạt động thương mại sản xuất cà phê xuất khẩu ở các tỉnh Tây Nguyên

*Một là về tình hình sản xuất cà phê*

Diện tích trồng cà phê ở ba tỉnh Tây Nguyên tính đến năm 2020 có khoảng 437.144 ha trồng, chiếm gần 65% diện tích cà phê của cả nước (658.000 ha), tăng lên 16.770 ha so với năm 2016 (năm 2016 có 420.374 ha), diện tích bình quân tăng 3.354 ha/năm giai đoạn 2016 - 2020. Giai đoạn 2016 - 2020, ở các tỉnh Tây Nguyên đã chú trọng vào thực hiện chương trình tái canh cà phê 68.528 ha, đạt khoảng 83% so với kế hoạch đề ra của các địa phương đến năm 2020, trong đó Đắk Lắk 35.408 ha, Gia Lai 12.587 ha, Đắk Nông 20.533 ha. Diện tích

cà phê tái canh chủ yếu trồng bằng giống mới<sup>2</sup>, từng bước phát huy được tiềm năng về năng suất, chất lượng cà phê trong điều kiện biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt và thay thế diện tích cà phê già cỗi, sâu bệnh, năng suất thấp được cải tạo năng suất cao hơn, năng suất bình quân 26,66 tạ/ha, tăng khoảng 2,97 tạ/ha so với năng suất cà phê hiện có, góp phần đưa năng suất cà phê của các tỉnh trong vùng từ 23,62 tạ/ha năm 2016 tăng lên 24,99 tạ/ha năm 2020 (Bảng 1).

Bảng 1. Tình hình sản xuất cà phê ở tỉnh các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2016 - 2020

Nội dung	Đơn vị tỉnh	Gia Lai		Đắk Lắk		Đắk Nông	
		2016	2020	2016	2020	2016	2020
Diện tích trồng	ha	93.449	98.500	203.357	208.109	123.568	130.535
Diện tích cho SP	ha	78.000	84.000	192.534	190.678	103.757	116.775
Năng suất	Tấn/ha	24,64	28,00	23,62	25,20	24,40	26,40
Diện tích tái canh	ha	1.467	12.889	3.640	35.408	6.356	20.533
Diện tích chứng nhận 4C	ha		34.077		45.674		12.350
Diện tích trồng cà phê đặc sản	ha		214		1.317		86
Sản lượng thu hoạch	Tấn	199.893	238.180	454.810	476.424	250.707	280.260

*Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Sở Nông Nghiệp và PTNT các tỉnh Tây Nguyên*

Hiện nay, sản xuất cà phê đã áp dụng quy trình kỹ thuật từ trồng, chọn giống đến chăm sóc đảm bảo sản xuất cà phê đạt tiêu chuẩn bền vững có chứng nhận 4C (Bộ nguyên tắc chung cho cộng đồng cà phê), UTZ Certified, RFA (Rừng nhiệt đới) và FLO (Thương mại công bằng), với tổng diện tích là 92.101 ha, chiếm khoảng 22,12% diện tích cà phê toàn vùng. Với diện tích trồng cà phê đạt tiêu chuẩn 4C thì tỉnh Đắk Lắk là địa phương có diện tích trồng lớn nhất 45.674 ha, trong đó chứng nhận UTZ có 11.296 nông hộ tham gia, diện tích là 13.713 ha và sản lượng 49.979 tấn; chứng nhận 4C có 18.450 nông hộ tham



gia, diện tích là 26.091 ha, sản lượng 94.357 tấn; chứng nhận RFA có 2.771 nông hộ tham gia, diện tích 5.123 ha, với tổng sản lượng đăng ký 12.719 tấn; chứng nhận Fairtrade có 447 nông hộ tham gia, diện tích 747 ha, tổng sản lượng đăng ký 3.255 tấn<sup>3</sup>. Cùng với mô hình tái canh cà phê, ở các tỉnh Tây Nguyên đang áp dụng trồng cà phê đặc sản với diện tích 1.617ha, trong đó tỉnh Đắk Lắk là địa phương có diện tích trồng theo mô hình này lớn nhất chiếm khoảng 61,15% diện tích trồng cà phê của các tỉnh Tây Nguyên (2.141 ha)<sup>4</sup>. Kết quả sản xuất cà phê theo mô hình này không những đem lại hiệu quả kinh tế cao, tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích đất canh tác, mà còn nâng cao giá trị thương hiệu cà phê Tây Nguyên, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất ngành nông nghiệp theo hướng bền vững.

*Hai là, tình hình chế biến cà phê xuất khẩu*

Cà phê xuất khẩu Việt Nam nói chung, các tỉnh Tây Nguyên nói riêng đã và đang từng bước chiếm lĩnh thị trường thế giới, với 14,2% thị phần xuất khẩu cà phê nhân toàn cầu đứng thứ 2 sau Brazil, trong đó cà phê rang xay và hòa tan xuất khẩu đã chiếm 9,1% thị phần đứng thứ 5 sau Brazil, Indonesia, Malaysia và Ấn Độ<sup>8</sup>. Hiện nay, ở các tỉnh Tây Nguyên có 420 cơ sở chế biến, chiếm 67,74% cơ sở chế biến cà phê của cả nước<sup>6</sup>. Đắk Lắk là địa phương có cơ sở chế biến cà phê xuất khẩu nhiều nhất của cả nước với 295 cơ sở chế biến cà phê (95 cơ sở chế biến cà phê nhân, 200 cơ sở chế biến cà phê bột) và 03 doanh nghiệp FDI, 02 cơ sở chế biến cà phê hòa tan (Công ty TNHH Cà phê Ngon và Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển An Thái) với số lượng cà phê chế biến năm 2019 đạt 456.500 tấn (chế biến cà phê nhân là 420.000 tấn, cà phê bột là 29.000 tấn, cà phê hòa tan là 7.500 tấn)<sup>7</sup>. Tỉnh Đắk Nông có 74 cơ sở chế biến cà phê, trong đó có 24 cơ sở chế biến theo quy mô công nghiệp, có 5 doanh nghiệp và 3 hợp tác xã đã

liên kết với các hộ trồng cà phê chế biến sâu và có khoảng trên 50 cơ sở sản xuất nhỏ lẻ với sản lượng khoảng 70 tấn sản phẩm/năm<sup>8</sup>. Gia Lai là địa phương có sản lượng và giá trị xuất khẩu cà phê lớn thứ 3 ở các tỉnh Tây Nguyên xếp sau tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng tính đến năm 2020 có 51 cơ sở chế biến cà phê bột, hạt rang, hòa tan, trong đó 5 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê, có 4 doanh nghiệp cơ sở chế biến quy mô lớn, thiết bị và công nghệ hiện đại, một số cơ sở đã sử dụng phương pháp chế biến ướt và chế biến khô. Điển hình là công ty TNHH Vĩnh Hiệp tham gia chuỗi sản xuất - chế biến - xuất khẩu cà phê theo tiêu chuẩn với tổng diện tích liên kết là 20.000 ha, với sản lượng thu mua hàng năm đạt 70.000 tấn cà phê nhân<sup>9</sup>.

Nhìn chung, các doanh nghiệp chế biến cà phê đều thực hiện theo phương pháp chế biến khô, chiếm khoảng 80% sản lượng. Ngoài ra, có một số doanh nghiệp đã áp dụng phương pháp chế biến ướt như Công ty Cổ phần Cà phê Ea Pôk, Công ty Cổ phần Cà phê Thắng Lợi, Công ty Cà phê Phước An. Hệ thống chế biến ướt được đầu tư khá quy mô, với hệ thống xử lý nước thải liên hoàn, phức tạp, kết hợp các phương pháp xử lý cơ học, hóa học và sinh học phù hợp với hình thức sản xuất cà phê tập trung, diện tích lớn (Công ty CP Cà phê Thắng Lợi trên 2.000 ha, Công ty Cà phê Phước An 1.450 ha...). Các doanh nghiệp này, đang dần dần khẳng định giá trị và thương hiệu cà phê Tây Nguyên, đồng thời nâng cao sức cạnh tranh đối với sản phẩm xuất khẩu cà phê so với các doanh nghiệp xuất khẩu ở trong nước và trên thế giới.

*Ba là, tình hình hoạt động xuất khẩu cà phê*

Sản lượng và giá trị xuất khẩu cà phê của các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2016 - 2020 có sự biến động đáng kể. Cụ thể, năm 2017 sản lượng và giá trị xuất khẩu cà phê tăng 183.925 tấn, tăng 58,71% so với năm 2016, giai đoạn 2018 - 2020 tình hình giá cà phê xuất khẩu của thị trường thế giới có nhiều biến động, nhu cầu

**Bảng 2. Sản lượng và giá trị cà phê xuất khẩu ở các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2016 - 2020**

Năm	Đắk Nông		Đắk Lắk		Gia Lai		Tổng		GTXK cả nước
	SL	GT	SL	GT	SL	GT	SL	GT	
2016	113.908	195	196.391	356	116.711	210	313.251	761	3.160
2017	118.050	248	201.126	445	178.000	353	497.176	1.046	3.430
2018	116.680	199	191.169	365	215.000	380	522.849	745	3.540
2019	173.747	278	189.252	315	180.000	291	380.999	884	2.850
2020	101,113	153	195.247	332	200.000	298	496360	783	2.740

*Nguồn: Tổng hợp số liệu của tác giả*



tiêu thụ hàng hóa trên toàn cầu giảm do đại dịch Covid-19 diễn ra nên sản lượng và giá trị xuất khẩu cà phê giảm so với năm 2017, trung bình giá trị đạt được khoảng 800 triệu USD/năm, chiếm gần 1/3 giá trị của cả nước. Tỉnh Đắk Lắk đạt sản lượng và giá trị lớn nhất ở khu vực, năm 2020 đạt 195.247 tấn, tăng 5.995 tấn, chiếm tỷ trọng 11,9% so với cả nước, giá trị xuất khẩu 332 triệu USD, tăng 17,47 triệu USD, chiếm tỷ trọng 11,7% so với cả nước. Trong đó, xuất khẩu cà phê nhân 187.559 tấn, giá trị 290,979 triệu USD; cà phê hòa tan 7.688 tấn, chiếm tỷ lệ 3,9% số lượng cà phê xuất khẩu, giá trị 41 triệu USD, chiếm tỷ lệ 12,3% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của tỉnh. Nhìn chung, xuất khẩu cà phê trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên chủ yếu là cà phê nhân, những năm gần đây có thêm sản phẩm cà phê hòa tan nhưng sản lượng và giá trị xuất khẩu chiếm tỉ lệ thấp trong kim ngạch xuất khẩu của khu vực (Bảng 2)

Hiện nay, sản phẩm cà phê Tây Nguyên có mặt ở thị trường 80 quốc gia trên thế giới, trong đó thị trường EU là lớn nhất, ngoài ra còn có các thị trường mà yêu cầu tiêu chuẩn, chất lượng rất cao như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore... Theo số liệu thống kê từ Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk, đã xuất khẩu đến 58 quốc gia trên thế giới, chủ yếu là cà phê nhân và Nhật Bản là thị trường lớn nhất của cà phê Đắk Lắk năm 2020 với kim ngạch 46,894 triệu USD (tăng 14,9% về giá trị so với năm 2019), thị trường Thụy Sĩ với kim ngạch 33,592 triệu USD (tăng 20,2% so với năm 2019), thị trường Đức 32,924 triệu USD và 7 thị trường đạt kim ngạch trên 10 triệu USD (Italia, Tây Ban Nha, Mỹ, Algeria, Indonesia, Bỉ, Hàn Quốc) và 34 thị trường đạt kim ngạch trên 01 triệu USD. Đối với cà phê hòa tan, chỉ xuất khẩu đến 12 thị trường, trong đó Israel và Ấn Độ là 2 thị trường lớn nhất với kim ngạch 9,157 triệu USD và 6,868 triệu USD<sup>10</sup>. Cà phê xuất khẩu của tỉnh Gia Lai có mặt ở thị trường 19 nước<sup>11</sup> trên thế giới, trong đó cà phê nhân và cà phê hòa tan đã xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Đức, Anh, Nhật Bản. Đặc biệt, năm 2020 Công ty TNHH Vĩnh Hiệp tỉnh Gia Lai đã xuất khẩu 296 tấn cà phê sang thị trường EU (lô cà phê xuất khẩu đầu tiên của Việt Nam theo hiệp định EVFTA)<sup>12</sup>. Những năm gần đây tình hình cà phê thế giới có nhiều biến động nhưng thị trường xuất khẩu cà phê của tỉnh Đắk Nông vẫn duy trì được ở 20 nước trên thế giới. Trong đó, Singapore là thị trường lớn nhất của cà phê

Đắk Nông với kim ngạch 108,632 triệu USD (chiếm 71,17% giá trị xuất khẩu cà phê của tỉnh), thị trường Đức với kim ngạch 9,222 triệu USD (chiếm 6,04%), 4 thị trường đạt kim ngạch trên 5 triệu USD (Nhật Bản, Ấn Độ, Thụy Sĩ, Anh,) và 4 thị trường kim ngạch trên 01 triệu USD (Australia, Mỹ, Italia, Bỉ)<sup>13</sup>.

Như vậy, sản phẩm cà phê các tỉnh Tây Nguyên đang dần khẳng định vị thế và thương hiệu cà phê đặc sản Tây Nguyên, nhất là trong bối cảnh hiện nay khi Việt Nam là thành viên các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP) sẽ là cơ hội lớn cho các nhà đầu tư, các hộ nông dân sản xuất cà phê ở địa phương.

*Bốn là, tình hình hoạt động xúc tiến thương mại và xuất khẩu ở các tỉnh Tây Nguyên*

Hiện nay, khi nói đến cà phê vùng cao Tây Nguyên người ta thường nhắc đến các loại cà phê như: Robusta; Arabica; Cherry; Culi; Moka, nhưng chủ yếu vẫn là hai loại Robusta và Arabica với sản lượng gần 98%. Cùng với các loại cà phê nêu trên đã xây dựng nhiều thương hiệu cà phê nổi tiếng như cà phê Trung Nguyên, Starbucks, Vinacafe, Nescafe (Đắk Lắk), Thu Hà, Classic, L'amant (Gia Lai), Bazan (Đắk Nông)... Trong đó, sản phẩm của Trung Nguyên được Bộ Ngoại giao chọn làm “Đại sứ ngoại giao Văn hóa”, quà tặng cho các nguyên thủ quốc gia, chính khách trong và ngoài nước. Thương hiệu L'amant Café của Công ty TNHH Vĩnh Hiệp ở tỉnh Gia Lai là sản phẩm của nông trại cà phê hữu cơ đầu tiên tại Việt Nam đạt chứng nhận organics của Tổ chức USDA - Hoa Kỳ và có mặt tại Hội nghị cấp cao AFEC Việt Nam 2017.

Hoạt động xúc tiến thương mại đối với sản phẩm cà phê xuất khẩu ở các tỉnh Tây Nguyên trong thời gian qua đã và đang được quan tâm, chú trọng như xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm cà phê qua tổ chức các kỳ festival cà phê, hội chợ quốc tế, hội thảo quốc tế... Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột một hoạt động xúc tiến thương mại đã được Chính phủ công nhận lễ hội cấp quốc gia và được tổ chức 2 năm một lần đã thu hút được đông đảo doanh nghiệp, người làm cà phê trong nước, thế giới quan tâm, hưởng ứng.

Trong điều kiện phát triển, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu từ cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư vào các ngành kinh tế sẽ là cơ hội lớn cho thương



hiệu cà phê Việt Nam nói chung và cà phê Tây Nguyên nói riêng tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử toàn cầu. Cà phê bột của Trung Nguyên, cà phê hòa tan của Vinacafe không những chiếm lĩnh được thị trường các nước trong khu vực ASEAN, EU, Mỹ mà Tập đoàn cà phê Trung Nguyên đã chính thức đưa các dòng cà phê truyền thống, cà phê hòa tan G7 và Trung Nguyên Legend lên hai sàn thương mại điện tử Amazon và Alibaba. Nhìn chung, sự đa dạng các hoạt động xúc tiến thương mại sẽ quảng bá hình ảnh, thương hiệu cà phê Tây Nguyên đến với khách hàng trên thị trường thế giới ngày một tăng lên, và đây là nhân tố kích thích, động viên các hộ nông dân trồng cà phê theo hướng chất lượng cao, đặc sản nhằm đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn, giá thành sản phẩm cao hơn, nâng cao sức cạnh tranh của cà phê xuất khẩu các tỉnh Tây Nguyên trong thời gian tới.

## **2. Những vấn đề đặt ra về hoạt động xúc tiến thương mại đối với cà phê xuất khẩu theo chuỗi giá trị**

Với kết quả nêu trên cho thấy, sản xuất cà phê đang chuyển đổi theo xu hướng liên kết chặt chẽ giữa các chủ thể tham gia, hình thành mô hình liên kết chuỗi giá trị từ sản xuất - sơ chế sau thu hoạch - thương mại - tiêu dùng và đem lại hiệu quả kinh tế, nâng cao thương hiệu và giá trị cà phê Tây Nguyên. Tuy nhiên, hoạt động xúc tiến thương mại theo liên kết chuỗi giá trị cũng đang đặt ra một số vấn đề cần tiếp tục quan tâm, khắc phục trong thời gian tới, cụ thể:

- Hình thức, tổ chức liên kết giữa hợp tác xã, nông dân với doanh nghiệp hình thành chuỗi giá trị cà phê xuất khẩu hoàn chỉnh chiếm tỷ lệ rất thấp, phần lớn các liên kết chưa chặt chẽ, chủ yếu thông qua trung gian. Dịch vụ đầu vào chất lượng còn chưa đảm bảo (giống, vật tư, kỹ thuật chăm sóc) và sử dụng chưa hiệu quả.

- Sản xuất cà phê hiện nay ở các tỉnh Tây Nguyên chủ yếu là nông hộ có quy mô nhỏ, manh mún. Mức độ áp dụng công nghệ sau thu hoạch và bảo quản chưa cao dẫn đến thất thoát sau thu hoạch. Đặc biệt, công nghệ chế biến đã có một số nhà máy hiện đại nhưng nhìn chung thiếu chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến phụ phẩm.

- Cà phê Tây Nguyên là hàng nông sản xuất khẩu chủ lực nhưng việc xây dựng thương hiệu chưa được đầu tư tương xứng, chi phí cao, thủ tục rườm rà, xây

dựng chỉ dẫn địa lý còn chậm nên ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động xúc tiến thương mại cà phê xuất khẩu.

- Hoạt động xúc tiến thương mại cà phê xuất khẩu chưa đa dạng các hình thức, tham dự các hội chợ ngành hàng cà phê quốc tế, hội thảo quốc tế chưa liên tục và kịp thời nên cơ hội tìm kiếm hợp tác, xuất khẩu trực tiếp cho sản phẩm cà phê còn hạn chế. Đầu tư, đổi mới ứng dụng công nghệ hiện đại, xây dựng hệ thống dịch vụ cung cấp thông tin và dự báo về thị trường cà phê xuất khẩu chưa được đầy đủ làm hạn chế khả năng quảng bá hình ảnh thương hiệu cà phê Tây Nguyên.

## **3. Một số giải pháp về đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại và xây dựng thương hiệu cà phê xuất khẩu ở các tỉnh Tây Nguyên**

*Một là, xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất nhằm đảm bảo chất lượng và giá trị xuất khẩu cà phê ở các tỉnh Tây Nguyên*

- Đối với hộ nông dân: cần tiếp nhận kỹ thuật, quy trình canh tác hiện đại vào sản xuất cà phê chất lượng cao, tăng tính bền vững và chất lượng (thông qua sử dụng nguồn phân vi sinh do dự án hỗ trợ) và sản xuất hướng tới thị trường (theo yêu cầu của doanh nghiệp) và có đầu ra đảm bảo (doanh nghiệp cam kết thu mua sản phẩm).

- Đối với doanh nghiệp: cần kết nối với hộ nông dân để xây dựng được nguồn nguyên liệu ổn định, có chất lượng cao, kiểm soát được chất lượng đáp ứng yêu cầu chế biến, thương mại của doanh nghiệp. Nếu làm tốt khâu liên kết này sẽ tạo ra được sản phẩm cà phê nhân có cỡ hạt to, đồng đều, tỷ lệ hạt lỗi, hạt mốc thấp góp phần nâng cao chất lượng cà phê tại các vùng nguyên liệu.

- Đối với Nhà nước: cần tập huấn chuyên giao kỹ thuật cho các hộ nông dân thông qua khuyến nông, các chương trình, diễn đàn cà phê toàn cầu (GCP) về truyền thông sử dụng vật tư nông nghiệp có trách nhiệm cho sản xuất cà phê bền vững, kiến thức về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón vô cơ hợp lý, các tiêu chuẩn cà phê chất lượng nhằm thay đổi nhận thức, hành vi của người sản xuất hướng tới sản xuất cà phê an toàn, chất lượng.

*Hai là, tiếp tục xây dựng thương hiệu cà phê chất lượng cao ở các tỉnh Tây Nguyên*

Cà phê xuất khẩu đã và đang hình thành chuỗi sản xuất từ đầu vào đến đầu ra theo nguyên tắc sản



phẩm đảm bảo chất lượng và thực hiện đúng quy trình kỹ thuật trong chọn giống, trồng, chăm sóc, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện tốt việc chỉ dẫn địa lý, nhãn mác, quy cách sản phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm (mã QR, sổ tay VIETGAP, nhật ký...). Vì vậy, để đạt được kết quả cao hơn cần ứng dụng công nghệ hiện đại xây dựng và triển khai hệ thống (blockchain) dữ liệu nhằm cập nhật thông tin nhanh chóng theo thời gian thực và kết nối thông tin theo chuỗi sản xuất tham gia từ cơ sở giống, thuốc, phân bón, nhà máy sản xuất, vận chuyển, phân phối... Ngoài ra, để xây dựng thương hiệu cà phê Tây Nguyên cần có sự hỗ trợ của chính quyền ở các tỉnh Tây Nguyên với Hiệp hội Cà phê Việt Nam tổ chức hướng dẫn các chủ thể sản xuất kinh doanh đăng ký, bảo vệ thương hiệu; hỗ trợ các hộ, HTX sản xuất xây dựng chỉ dẫn địa lý để nâng cao giá trị, mở rộng thị trường xuất khẩu cà phê.

*Ba là, ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng Công nghệ lần thứ tư nhằm đẩy mạnh công tác dự báo thông tin thị trường cà phê xuất khẩu*

Để làm tốt giải pháp này cần có sự phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước (Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Hiệp hội cà phê, các doanh nghiệp xuất khẩu phối hợp với các cơ quan nghiên cứu thị trường của khu vực Tây Nguyên thu thập, phân tích, nghiên cứu, xây dựng và quảng bá chương trình dự báo thông tin thị trường cà phê xuất khẩu một cách hiệu quả nhất. Trên cơ sở nội dung xây dựng tiếp tục ứng dụng công nghệ số, kỹ thuật số, công nghệ thông tin hỗ trợ, phổ biến thông tin thị trường cà phê xuất khẩu đến với người sản xuất cà phê qua hệ thống thông tin đại chúng, khuyến nông, các doanh nghiệp xuất khẩu nhằm gắn sản xuất với thị trường, tạo nhiều cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu. Đồng thời, tiếp tục tổ chức xúc tiến thương mại ở thị trường các nước thành viên mà Việt Nam tham gia vào Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP). Đây chính là cơ hội để sản phẩm cà phê Việt Nam nói chung và Tây Nguyên nói riêng mở rộng thị trường xuất khẩu như thị trường EU, Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và ASEAN... Ngược lại, từ thông tin dự báo về thị trường cà phê xuất khẩu cũng là cơ hội để Việt Nam nhập khẩu các nguyên liệu phục vụ công nghiệp

chế biến cà phê theo hướng hiện đại, tiết kiệm chi phí và đảm bảo chất lượng tiêu chuẩn xuất khẩu.

*Bốn là, tiếp tục xây dựng chính sách, hỗ trợ xúc tiến thương mại đối với sản phẩm cà phê xuất khẩu*

Trong thời gian tới, tích cực, chủ động tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ quốc tế, hội thảo quốc tế, các sàn giao dịch thương mại điện tử (Alibaba, Amazon), xây dựng website cho sản phẩm cà phê của các tỉnh Tây Nguyên. Tiếp tục xây dựng các nội dung, thông tin về xúc tiến thương mại cà phê xuất khẩu Tây Nguyên qua các trang web, địa chỉ của các doanh nghiệp xuất khẩu, Hiệp hội cà phê, khuyến nông, truyền hình trung ương, địa phương nhằm giới thiệu, quảng bá sản phẩm cà phê đặc sản Tây Nguyên, các sản phẩm với thương hiệu mới, sản phẩm đạt tiêu chuẩn... đến với người tiêu dùng trong nước và thế giới nhanh nhất và hiệu quả nhất. Ngoài ra, các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê cần tận dụng cơ hội của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, số hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại cho cà phê xuất khẩu, thương mại điện tử và các sở giao dịch hàng hóa theo hợp đồng kỳ hạn.

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tài liệu Hội nghị: *Đánh giá kết quả thực hiện đề án phát triển sản phẩm quốc gia cà phê Việt Nam chất lượng cao*, Đắk Lắk, 12 - 2020.
2. 9 dòng cà phê vối, gồm: TR4, TR5, TR6, TR7, TR8, TR9, TRI1, TRI2, TRI3 từ Viện Khoa học kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên đạt năng suất cao từ 4,2 tấn - 7 tấn cà phê nhân/ha, chất lượng tốt, có cỡ hạt lớn đạt loại 1 trên lên 65%.
3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đắk Lắk: *Báo cáo tham luận tình hình sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê tại tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011 - 2025*, Đắk Lắk, 12 - 2020.
- 4,5. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tài liệu Hội nghị: *Đánh giá kết quả thực hiện đề án phát triển sản phẩm quốc gia cà phê Việt Nam chất lượng cao*, Đắk Lắk, 12 - 2020.
6. Năm 2020 cả nước có 620 cơ sở cà phê rang xay với tổng công suất 73.150 tấn sản phẩm/năm; 06 nhà máy chế biến cà phê hòa tan và 17 nhà máy, cơ sở chế biến cà phê phối trộn với tổng công suất khoảng 220.000 tấn sản phẩm/năm, đạt tỷ lệ chế biến sâu cà phê khoảng 12% với công nghệ và thiết bị, chế độ làm việc của các nhà máy phần lớn được giám sát, điều khiển tự động.

*Xem tiếp trang 98*